

Đường về xứ Phật
Minh Châu, Thiện Châu, Huyền Vi, Pasadika - 1964

Lâm-tỳ-ni (Lumbini)

Rời khỏi Kusinara kính mộ, chúng tôi trở lại ga Gorakhpur để đi thăm Lâm-tỳ-ni, nơi đức Từ phụ đản sanh.

Từ Gorakhpur đến Nowgarh phải mất 3 tiếng đồng hồ tàu hỏa. Đến nơi trời đã nhá nhem tối, chúng tôi phải ngủ tại ga đến sáng mới tiếp tục cuộc hành trình chiêm bái. Nowgarh là một ga nhỏ bé ở miền quê, nên cũng không ồn ào cho lắm, trừ khi có những chuyến tàu ghé qua. Khi chúng tôi đến, cảnh vật ở đây hình như đượm màu tươi thắm. Khí trời mát mẻ trong lành.

Lạ thay! Đến bất cứ Thánh địa nào, lòng chúng tôi cũng ngập tràn niềm rạo rức. Bắt đầu đi ngủ, tôi tự bảo đêm này ngủ sớm một chút để sức khỏe cho cuộc hành trình tiếp tục vào ngày mai. Nhưng những hình ảnh Lâm-tỳ-ni, do tôi tưởng tượng, cứ liên tiếp hiện ra với muôn màu muôn sắc! Trần trọc đến gần 1 giờ tôi mới thiếp ngủ, 4 giờ, thầy Thiện Châu đã thức dậy vặn đèn, kêu chúng tôi để cùng xếp hành lý. Chưa đến giờ, nhưng Thượng tọa Minh Châu đã hỏi chúng tôi xếp hành lý ra xe. Tất cả như muốn cho mau đến giờ để được viếng thăm và chiêm bái Phật tích quan trọng này, nơi ra đời của đức Từ phụ cao cả. Nơi ngàn năm còn ghi nhớ đối với hàng Phật tử năm châu.

7 giờ sáng, chiếc xe buýt mới khởi hành, đưa chúng tôi từ Nowgarh đến vườn Lâm-Tỳ-ni (Lumbini). Chiếc xe nhẹ nhàng băng qua những cánh đồng xanh tươi bát ngát. Dãy

núi Hy-ma-lạp-son (Himalaya) với những chóp núi hùng vĩ trắng xóa ẩn sau những khóm mây lam biếc. Những tháp miếu cổ kính tuàn tụ hiện ra trước mắt chúng tôi. Chiếc xe buýt mang chúng tôi vượt khỏi ranh giới Ấn Độ để sang địa phận nước Népal. Quảng đường dài gần 40 cây số, nhưng chúng tôi cảm thấy gần bên cạnh. Cảnh tượng Đản sanh như chập chờn trước mắt chúng tôi.

*"Còn thấy vô ưu cây bảo thọ,
Nghìn năm giữ mãi vẻ nên thơ..."*

Những chi tiết về lịch sử Đản sanh được ghi trong tập Nidanakathà lần lượt hiện ra trong óc chúng tôi:

-- "Hơn 2.500 năm trước, tại vườn Lâm Tỳ ni này, một vị đại Giác ngộ đã ra đời. Ngài ra đời để đem lại ánh sáng tuyệt vời cho nhân thế làm thanh đầu khổ.

Theo phong tục cổ truyền của Ấn Độ (nay một vài nơi vẫn còn, phụ nữ phải trở về quê hương cha mẹ để sanh nở đứa con đầu lòng. Hoàng hậu Màya cũng y theo cổ lệ để làm gương cho dân gian. Một hôm hoàng hậu tâu vua Tịnh Phạn: "Tâu Hoàng thượng, gần ngày sanh nở, theo tục lệ cổ truyền, con xin phép trở về Devadaha, kinh thành của cha mẹ con...". Vua Tịnh Phạn hoan hỷ chấp nhận và truyền lệnh cho thần dân sửa sang, trang hoàng con đường từ thành Ca-tỳ-la-vệ (Kapilavastu), đến kinh đô của Ajana, nơi thân phụ Hoàng hậu Màya đang trị vì. Một chiếc kiệu được trang hoàng rất đẹp đẽ. Hoàng hậu đoàn chính ngồi trên kiệu hoa. Theo hộ giá, có đến hàng trăm thị vệ va cung phi mỹ nữ.

Giữa hai kinh thành của hai quốc vương, có một khu vườn thanh mật, có một cây Vô ưu (Asoka) đang nở nhiều cánh hoa tươi đẹp. (Tục truyền hoa này mấy ngàn năm mới nở một lần. Khi hoa nở là điềm có thánh nhân xuất hiện). Dân làng địa phương gọi khu vườn này là Lumbini Nava. Lúc bấy giờ, vườn đầy hoa thơm cỏ lạ, cây cối xanh tươi. Những đàn ong, những cánh bướm bay liệng chập chờn, từ đóa hoa này đến đóa hoa khác, để hút mật hoa. Chim

chóc bốn phương đua nhau trỗi lên những bản nhạc du dương, êm ái, tạo thành một bức họa tuyệt vời cho cánh Lâm-tỳ-ni.

Hoàng hậu xuống kiệu, từ từ bước vào khu vườn ngoạn thường cảnh sắc tươi đẹp của buổi bình minh. Một nhánh cây vô ưu như rũ xuống để: "*Chào đón siêu nhân ứng hiện ra...*". Tay phải của Hoàng hậu với hái cánh hoa Vô ưu, ngay lúc ấy, Thái tử đản sanh. Bốn vị Thiên vương cầm những chiếc áo Kiều-thi-ca mềm trĩu, đỡ lấy Thái Tử. Sau đó 9 con rồng phun nước vào bồn vàng để tắm gội Thái tử. Bảy chiếc hoa sen liên tiếp hiện ra đỡ lấy gót chân Ngài. Nhạc ngũ âm của ai vang dậy cả mấy tầng không. Hoa Mạn-đà-la không biết từ đâu tung vãi khắp vườn.

Ôi! Mầu nhiệm và hoan lạc biết bao! Được tin mừng Thái tử đản sanh, cờ xí rợp trời, trống kèn dậy đất. Vua Tịnh Phạn đích thân đi rước Hoàng hậu và Thái tử về hoàng cung. Tất cả quần thần được hội lại để đặt tên cho Thái tử Tất-đạt-đa (Siddhartha), tên của vị Thái tử phi thường tuấn tú có ra từ đây."

Và trong tập Buddhacarita cũng có chép: "Sau khi Thái tử đản sanh, Ngài nhìn về các phương: Đông, Tây và ngó lên, ngó xuống nhìn khắp bốn phương rồi hướng về phương Bắc đi bảy bước trên những đóa sen kỳ diệu. Mầu nhiệm thay cử chỉ siêu việt này. Đi đến bước thứ bảy, vừa nghiêm nghị, vừa oai hùng, Ngài nói: "*Thiên thượng, thiên hạ, duy ngã độc tôn*".

Chúng tôi tiến vào khu rừng lịch sử, thấp hương đèn hành lễ, thành tâm nguyện cầu cho tất cả mọi người thường được hạnh phúc và tìm thấy ánh sáng nhiệm mầu mà Thái Tử Tất-đạt-đa đã mang đến cho thế gian này cách đây 2.500 năm. Cùng đi với chúng tôi có năm vị Ưu-bà-di và một sinh viên Phật tử ở Miến Điện. Họ cũng cùng hành lễ với chúng tôi.

Ngày xưa cảnh vật tươi đẹp bao nhiêu, thì ngày nay khu vườn lại tàn tạ bấy nhiêu. Mặc dù có cây cối đèn tháp,

nhưng cảnh trí không được huy hoàng như xưa và nhất là không tốt đẹp như các Thánh tích thuộc chính phủ Ấn mà chúng tôi đã chiêm bái. Chính phủ Népal đang cố gắng sửa sang lại Thánh tích này, nhưng có lẽ vì cách trở đường sá nên công việc chưa mấy kết quả! Chúng tôi hơi buồn cho Thánh tích tiêu sơ này, như nhờ lời dạy về lý Vô thường của đức Phật: "Phàm sở hữu tướng, giai thị hư vọng" làm cho chúng tôi giữ được sự an tịnh trong tâm hồn.

Chúng tôi đi sâu vào khu vườn để tìm lại di tích. Lần lượt chúng tôi đến viếng những cảnh sau đây:

1. Trụ đá của vua A-Dục

Vườn Lâm-tỳ-ni do ông Furere tìm thấy vào năm 1806, sau khi gặp được trụ đá của vua A-Dục tại chỗ này. Thâu thập đủ tài liệu và chứng minh chắc chắn, ông Furere đã công khai tuyên bố: "Chỗ này là vườn Lâm-tỳ-ni, nơi Đức Phật đản sanh". Rồi được chính phủ Nepal công nhận. Từ đó về sau khu vườn này trở nên mầu nhiệm, được dân chúng Ấn Độ và người ngoại quốc đến chiêm bái viếng cảnh rất đông.

Vua A Dục dựng trụ đá này, khi Ngài đến viếng thăm và hành lễ tại vườn Lâm-tỳ-ni. Trên trụ đá có khắc hàng chữ: "Đây là chỗ đức Gautama Đản sanh". Trụ đá này hiện còn tốt đẹp, tuy có một đường nứt mẻ, có thể do sét hay bị ngoại đạo tàn phá cũng nên. Trên đầu cột trụ đá không có hình gì cả. Trong ký sự của ngài Huyền Trang có nói: "Đầu trụ đá có hình con ngựa rất mỹ thuật và trơn láng". Nhưng hiện nay chưa tìm được di tích hình con ngựa đặc biệt ấy. Trên thân trụ có khắc 5 hàng chữ bằng tiếng Brahmi:

Devannapiyena piyadasina lajina-visativasabhisitena.
Atana-agacha mahiyite. Hida Budhe-jate sakyamuniti.
Silavigadabhicha kalapita silathabhe-cha usapapite.

Hida Bhagavam jateti Lumbinigame ubalike kate,
Athabhagiye cha.

Dịch nghĩa đại khái như sau: "Vua Pryadarsin, được các vị thiên thần kính mến và ủng hộ, tự Ngài thân hành đến đánh lễ tại chỗ này, sau khi lên ngôi được 20 năm. Chỗ này là nơi Đức Sakya Muni đản sanh. Ngài truyền lệnh cho các quan trong triều xây một pho tượng rất lớn và đặt một trụ đá dựng tại chỗ này, để đánh dấu một chỗ đức Thế Tôn xuất thế. Từ đó về sau Vua truyền lệnh dân làng Lumbini được miễn đóng thuế nghi lễ và chi trả 1/8 lợi tức mà thôi".

Cột trụ đá này chỉ rõ cho chúng ta biết chắc chắn chỗ này là nơi Đức Từ phụ đản sanh. Trụ đá của vua A-Dục dựng lại Sarnath (Ba-la-nại) thì không ghi rõ là chỗ Phật chuyển Pháp Luân lần đầu tiên, còn lại Buddhagaya (Chỗ Phật thành Đạo) và Kusinara (chỗ Phật nhập Niết Bàn) không có cột trụ nào hết.

2. Đền thờ của Rummindel

Về phía nam ngôi đền có một hồ nước gọi là hồ Puskarini, chu vi khoảng 50 thước vuông. Tục truyền rằng: "Hồ nước lịch sử này do 9 con rồng từ trên trời phun nước xuống để tắm gội Thái tử, nay còn đọng lại". Nhà cầm quyền ở đây xây thành một hồ để giữ nước và dân chúng địa phương còn tin rằng ai tắm tại hồ này thì tật bệnh được tiêu trừ, tội lỗi hết sạch. Lúc chúng tôi đến đây cũng có mấy vị Bà-la-môn đang tắm gội một cách thành kính.

3. Nền của một ngôi tịnh xá

Gần con đường qua ngôi đền có trụ đá vua A Dục, chúng tôi còn thấy nền móng của một ngôi tịnh xá cũ hình chữ nhật và hình như chỉ là một văn phòng lớn. Một vài người

ở đây cho chúng tôi biết tại tịnh xá này đã có nhiều vị tu đắc đạo. Và chính tại chỗ này người ta đã đào được vài pho tượng nhỏ của Bồ tát Quan Thế Âm, Đại Thế Chí bằng đồng đen và một đồng tiền không được rõ ràng lắm. Tại ngôi đền có nhiều mảnh tượng gãy nát, chúng tôi xem qua không hiểu là tượng gì. Không biết có phải là tượng con ngựa trên trụ đá vua A Dục chăng? Sau khi quan sát nền của một ngôi tịnh xá, chúng tôi sợ trưa không kịp chuyển xe trở về, nên vội vàng qua viếng thăm hai ngôi tháp mới.

4. Hai ngôi tháp mới

Chính phủ Nepal trong chương trình sửa lại Thánh tích này đã dựng được hai ngôi tháp hình trụ tròn, với những nguyên liệu đào bới xung quanh Lâm-tỳ-ni. Hai tháp này không có chi mỹ thuật cho lắm.

Đã 10 giờ trưa rồi, chúng tôi phải từ biệt nơi đã ghi lại dấu chân đầu tiên của vị Thái tử con vua Tịnh Phạn để tiếp tục công việc chiêm bái nhiều nơi khác.

Trên con đường quanh co khúc khuỷu trở về ga, chiếc xe buýt từ từ chuyển bánh, lòng chúng tôi cảm thấy bùi ngùi và quyến luyến mãi với hình ảnh Lâm-tỳ-ni.

Ngồi trên xe, tôi suy nghĩ: không có sức mạnh nào bằng sức mạnh đạo đức, không có sự vật gì cao quý bằng tình thương chơn thật. Đã xa cách mấy nghìn năm, cuộc đời của Từ phụ tuy đã lui về dĩ vãng, chỉ còn lưu lại một đức từ bi mà không biết bao nhiêu người tôn sùng thờ kính, không biết bao nhiêu dân tộc đang hướng về đạo giải thoát của Ngài.

Những người lập sự nghiệp trên sức mạnh, quyền lực, mách khoẻ như Hitler, Napoléon, Tần Thủy Hoàng v.v... tuy danh vang một thời thật nhưng chóng phai tàn làm sao, và chỉ để lại cho hậu thế sự căm hờn tức giận. Ngày

nay có ai, những người chân chánh, còn muốn nhắc đến tên tuổi hoặc lập đều để dùng bái tôn ngưỡng họ?

Đức Từ phụ đã xây dựng đạo nghiệp bằng tình thương chơn thật, bằng đạo đức cao siêu, không dùng một quyền lực áp bức, không tốn một mũi tên, một viên đạn mà đạo nghiệp của Ngài mãi mãi được mọi người noi theo. Phật tích khác, từ nơi Thế Tôn thành Đạo, cảnh Chuyên pháp luân cho đến vườn Lâm-tỳ-ni v.v... chúng tôi đã đến tận nơi đánh lễ, cúng dường, chiêm bái. Đây là chỗ đức Phật ứng thân thị hiện và sanh trưởng, làm sao chúng ta lại có thể không đi? Nghĩ như vậy chúng tôi gởi hành lý tại ga, chỉ đem theo một ít đồ cần dùng.

Năm giờ rưỡi sáng, chúng tôi khô cực dùng trà thay cho buổi điểm tâm tại một quán cơm bình dân nghèo nàn, chiếc xe ngựa mà chúng tôi thuê hồi hôm đã sẵn sàng chờ đợi. Chúng tôi lên xe và ngựa bắt đầu chạy đều đều trên con đường sương lạnh.

Đúng như lời người ta cho biết, đường thật là gồ ghề nguy hiểm; nhiều đoạn chúng tôi phải xuống đi bộ vì ngồi trên xe còn khổ hơn đi bộ, dễ sợ nhất là khi qua những chiếc cầu lắc lẻo. Càng tiến về hướng núi Hy Mã, chúng tôi càng bị bao phủ bởi những sương và sương, và chỉ nhìn thấy những gì cách chúng tôi độ ba thước. Hình như màn sương muôn chặn đứng sự tiến bước của chúng tôi. Tuy nhiên chiếc xe ngựa vẫn từ từ lướt tới và để lại đàng sau những khối sương dày đặc nặng nề.

Phải mất hơn ba tiếng đồng hồ mới đến được Ca-tỳ-la-vệ, kinh thành lịch sử mà Phật tử năm châu hằng nhắc đến. Mặt trời lên cao. Sương mù tan biến. Những rặng cây xanh, những xóm nhà cũ kỹ lần lượt hiện ra. Chúng tôi rất hân hoan vì nhờ duyên lành đời trước nên được viếng thăm quê hương kính mến của đức Từ phụ nơi mà Phật tử Việt Nam thường hát vang:

*"Thành Ca-tỳ-la sống vui đời Tịnh vương,
Người người vui sướng, Thích Ca Ngài vừa ra đời..."*

Một vị cư sĩ tiếp đón niềm nở và đưa chúng tôi vào nhà. Cả gia quyến của vị này đều đối đãi với chúng tôi một cách nồng hậu. Sau hỏi lại mới biết đây là gia đình dòng họ Thích Ca (Sakya).

Sau khi giải khát xong, mấy người con của vị này đưa chúng tôi đi viếng "Thành" cách đó độ 4 cây số. Sau này, chúng tôi xin kể lại một vài sự kiện lịch sử của đức Phật, khi Ngài ở tại thành này: "Trước khi chưa giáng sanh ở thành Ca-tỳ-la-vệ, Ngài còn là vị Bồ tát Hộ Minh ở trên cung trời Đâu Suất để thuyết pháp và giáo hóa chư thiên. Khi cơ duyên đã đến. Ngài quan sát trong bốn châu thiên hạ duy có vua Tịnh Phạn và Hoàng hậu Maya là người tu nhơn tích đức lâu đời, xứng đáng làm cha mẹ Ngài, cũng như cha mẹ muôn dân. Ngài cười voi trắng 6 ngà từ trên cung trời Đâu Suất nội viện đến thành Ca-tỳ-la-vệ. Lúc bấy giờ nhân ngày lễ vía các tinh tú, tại Ca-tỳ-la-vệ, từ quan chức cho đến thứ dân đều được nghỉ việc để mừng lễ. Mọi người tấp nập ăn chơi, đờn ca xướng. Bao nhiêu trò hay chuyện lạ được biểu diễn khắp nơi. Riêng Hoàng hậu Maya, sau khi dự lễ cầu nguyện trong Hoàng cung, ra ngọc môn bố thí cho người nghèo khổ. Rồi Hoàng hậu trở về cung yên giấc. Đêm chiêm bao kỳ lạ đã đến với Hoàng hậu: Một người tướng mạo khôi ngô, cười con voi trắng 6 ngà chen vào hông bên hữu của Hoàng hậu. Giật mình thức dậy, Hoàng hậu cảm thấy trong mình nhẹ nhàng, khoan khoái:

*"Maya mộng ứng niềm hoan lạc,
Voi trắng quỳ dâng đóa bạch liên.
Âm nhạc bốn phương lừng các điện.
Vang lời chúc tụng hội quần tiên
Giáng sinh ngày ấy không xa nữa.
Là một tin vui khắp mọi miền!
Chiếu rạng tung bành xa bóng tối.
Rồi đây sẽ có đạo vàng thiêng... (N.H).*

Sau khi Thái tử giáng trần 7 ngày, Hoàng hậu nhờ phước báo hạ sanh ra Đấng giác ngộ tương lai, được thăng về cung trời Đạo Lợi. Vua Tịnh Phạn giao Thái tử cho bà

Maharajapati (Ma-ha Ba-xà-ba-đê) nuôi dưỡng. Ngày tháng trôi qua, càng ngày càng khôn lớn, Thái tử học hành giỏi ưu, tài năng xuất chúng. Nhưng Ngài nhìn thấy non sinh thống khổ, thế cuộc vô thường, nên quyết chí xuất gia tìm đạo để giải thoát cho mình và cứu độ chúng sinh. Một đêm nọ, lúc canh ba đã gần tàn, Ngài đang ngồi trầm tư mặc tưởng bỗng nghe đâu trên hư không có tiếng của chư thiên văng vẳng vọng lại:

*"Ngày nay tuổi đã lớn rồi
Sao không nhớ lại những lời nguyện xưa
Xin tu chứng đạo chơn thừa
Trần gian vẫn đục say sưa làm gì?
Ngài còn lần lựa thế chi,
Chúng sanh ngu dại ai thì bảo ban.
Mau mau mở lối Niết bàn
Khêu đèn Trí tuệ vén màn vô minh". (L. S. P. T)*

Ngài suy nghĩ không thể dần dà được nữa mà phải xuất gia tìm chơn lý. Một đêm nọ sau khi buổi yến tiệc linh đình và mọi người yên giấc, Ngài cùng Xa Nặc cưỡi ngựa Kiên Trắc vượt qua thành Ca-tỳ-la-vệ này để "Dấn thân nơi cát bụi tìm đạo thiêng".

5. Thành Ca-tỳ-la-vệ

Tiến qua một cánh đồng, gồm những vườn xoài, những nương nước, chúng tôi đến nội thành Ca-tỳ-la-vệ.

Hiện tại, sự tìm tòi và nghiên cứu tường tận của ông Vincent Smith và ông De Vost cho chúng ta biết rằng Ca-tỳ-la-vệ của vua Tịnh Phạn ngày xưa, hiện nay nằm tại nơi được gọi là Tilaurakota, thuộc hạt Terai và cách xa ga Shoharatgarh 20 cây số. Cả vùng thành Ca-tỳ-la-vệ này được bao bọc bởi nhà cửa thưa thớt của dân làng Taulihwa. Thành rộng lớn bao la và nằm trên bờ sông Banganga. Chúng tôi tìm thấy nhiều vết tích những bức tường của thành ấy và rất nhiều đồi đất cao, có thể là các

đền đài ngày xưa. Hiện tại toàn vùng này bị cây cối bọc bao trùm. Chúng tôi chỉ thấy xa xa một khu rừng rậm rạp. Đến gần nhìn thấy rất nhiều gạch đá vụn, đây có lẽ là một khu nhà rộng lớn của thành. Thầy Thiện Châu có nhặt một viên gạch xưa đem về làm kỷ niệm. Chắc chỗ này chưa ai đào bới cả.

Ngài Pháp Hiền đến chiêm bái thành Ca-tỳ-la-vệ vào năm 403 sau Tây lịch và ngài đã nhìn thấy toàn vùng này là một rừng hoang cỏ dại, dân cư thưa thớt, chỉ thấy những di tích phế tàn. Có một số tu sĩ tu khổ hạnh tại đây và độ 30 gia đình dân chúng. Ngài đến hỏi thăm các vị tu sĩ về thánh tích ngôi thành này. Các vị ấy cho biết toàn vùng này chính là thành Ca-tỳ-la-vệ thời xưa, và họ cố ở lại đây để giữ gìn Thánh tích này, nhưng không đủ phương tiện, đành chịu thua.

Vào năm 636, ngài Huyền Trang cũng đến thăm viếng ngôi thành và diễn tả di tích này một cách rõ ràng. Ngài viết: "Thành Ca-tỳ-la-vệ kiến trúc theo lối cổ kính, xây dựng toàn bằng gạch đá quý, bức tường thành vẫn còn, và kiến tạo rất kiên cố. Hiện tại chỉ còn 634 phố, nhà lợp, và một ít dân chúng đang sống ở đó. Chung quanh có độ 100 tịnh xá bị hư hỏng. Gần chỗ này có một ngôi tịnh xá vĩ đại, 30 tu sĩ tiểu thừa, và hai ngôi đền của Ba-la-môn giáo".

Ngài Huyền Trang có nói đến trụ đá của Vua A Dục dựng lên cao độ 9 thước tây, trên chót trụ đá có chạm hình con sư tử rất đẹp. Về phía tây bắc của thành có hơn 100 tháp nhỏ, đánh dấu chỗ dòng họ Thích Ca bị giặc tàn sát. Theo ngài Huyền Trang cho biết thời chu vi thành Ca-tỳ-la-vệ độ chừng 400 lý hay 664 dặm Anh.

Một vài di tích thành Ca-tỳ-la-vệ

a. Nigaliwa: Độ 4 dặm cách Taulihwa có một cái hồ lớn gọi là hồ Nigali. Gần hồ có một trụ đá bị gãy đôi, phần

trên dài 5 thước, bị cỏ dại phủ lấp, phần dưới còn chôn sâu vào đất, phần trên có ghi một hàng chữ Tây Tạng "OM MANI PADME HUM" (An-ma-ni-bát-ni-hồng); trên hàng chữ này có khắc hai con công, phần trụ đá dưới có khắc những hàng chữ Brahmi. Vua A Dục có đến thành Ca-tỳ-la-vệ. Ngài từ vườn Lâm-tỳ-ni trở về, có viết bài kệ như sau:

Devanam piyen piyadasin lajin chodasavasa (bhisi).
Bùdhasa kranak manas thue dutiyan baddhihite (Bisttiva).
Sabhisten chatina agach mahiyite (Sila thuhey chus).
Papite...

Phỏng dịch: "Hoàng đế Piyadasin vào năm thứ 14 triều đại này đã mở rộng lần thứ hai, tháp của đức Phật Kanaka và đến năm 20 triều đại Ngài đã đích thân đến đây lễ bái và cho dựng trụ đá".

b. Tháp Piprahwa: Chỗ này là ngôi tháp được dựng lên trên phần Xá-Lợi của đức Phật thuộc dòng họ Sakya. Tại chỗ này, người ta có đào được một hộp bằng đá lớn trong đó có bảo vật và nhiều mảnh xương vụn hơn 1.000 hộp bằng đá rất nhiều ngọc ngà châu báu. Xá lợi này chính là xá lợi của Phật, vì có khắc nhiều hàng chữ Brahmi: "Đây là Xá-lợi của đức Gautama, do các dòng họ Sakya chôn tại chỗ này và xây dựng bửu pháp lên trên".

c. Kudan: Theo một vài nhà khảo cổ trú danh cho biết, làng Kudan cách xa Taulihwa độ hai cây số, có thể là chỗ đản sanh của đức Phật Krakuchanda. Tại chỗ này có hai mô đất lớn bằng gạch và bằng đất; dân bản xứ gọi là Lori-KiKudan. Có thuyết cho rằng chỗ này là nơi đức Phật gặp đức vua Tịnh Phạn sau khi Ngài đắc đạo và là chỗ 500 người thuộc dòng Thích Ca quy hướng Tam bảo; cũng chính tại chỗ này đức Phật thuyết pháp nhiệm màu cho chư thiên.

d. Hồ nước Kunau: Chỗ này, người ta tin là nơi Thái tử cùng các công tôn, vương tử thi bắn cung nên gọi là Saeakup (tên bắn). Lúc vua Tịnh Phạn chọn công chúa Gia-du-

đà-la cho Thái tử, vua Thiện Giác ra điều kiện rằng: "Ai muốn cưới công chúa phải thi văn và đấu võ". Thái tử Tất-đạt-đa văn võ toàn tài, tỏ ra là người xuất chúng, nên được cưới công chúa Gia-du-đà-la.

e. Sagarhwa: Chỗ này theo người ta cho biết, là nơi hoàng tộc Thích Ca bị tàn sát. Ông Smith có viết rằng trong tháng giêng ông A. Fuhrer có tìm được tại chỗ này 17 ngọn tháp nhỏ rất có thể là nơi dấu hoàng tộc Thích Ca bị tàn sát. Sau khi bị quân nghịch giết hại, đức Phật có phóng quang tiếp độ các hương linh những người có thiện nghiệp trong dòng Thích Ca được sanh về cõi Thánh.

f. Đền Shiva tại Taulihwa: Đây là một trụ đá rất nhám. Gần phía chân của trụ đá này, có hai hình đĩa tròn giống như cái mâm, ở chính giữa thì dầy, phía ngoài mỏng dần, chính giữa có một trụ đá nổi lên, phía dưới có hình tán góc. Nó tương tự như trụ đá Linga ở chùa Bà Đen (Sài gòn). Hỏi thăm, người ở đó cho chúng tôi biết rằng: Dân bản xứ có dụng ý đào trụ đá ấy, nhưng đào mãi không được. Do đó họ tin rằng đó là thần Shiva Linga và thường đến đó hành lễ, cúng bái, cầu nguyện.

g. Ngôi chùa mới lập tại Taulihwa (ngoài thành Ca-tỳ-la-vệ): muốn đền đáp công ơn muôn một cho tổ tiên, các gia đình thân tộc Thích Ca còn lại có dụng lập một ngôi chùa trong làng Taulihwa. Chúng tôi có đến viếng ngôi chùa ấy: Chùa khá đẹp có vòng thành bốn phía.

Chúng tôi thiết nghĩ, nếu có vị chơn tu nào đến trụ trì ở đây chắc chắn khai hóa mỗi đạo chỗ này một cách dễ dàng, vì ở đây sẵn có một số thân tộc Thích Ca triệt để ủng hộ.

Ông tộc trưởng cho chúng tôi biết, ông sẽ cố gắng hoàn thành ngôi chùa này nội năm nay. Để góp chút công quả, chúng tôi cúng dường 200 đ VN cho việc kiến tạo. Chúng tôi hy vọng chôn này chóng phục hưng mỗi đạo, do chính người trong dòng họ Thích Ca sáng lập.

Các gia đình dòng họ Thích-Ca

"Bà con thể tục mỗi ngày mỗi xa, dòng họ Thích Ca càng ngày càng gần". Thật đúng với câu nói trên, gia đình ông tộc trưởng và các cô bác khác gặp chúng tôi xá chào vui vẻ và xem bộ như quen biết đã từ lâu đời. Thượng tọa Minh Châu hỏi qua lai lịch dòng họ Thích Ca, và được ông tộc trưởng cho biết hiện giờ còn độ 36 gia đình, trên 60 người thuộc họ Thích Ca nhưng phân đông ở tại Nepal, hiện ở gần thành Ca-tỳ-la-vệ chỉ còn ba gia đình. Cả ba gia đình này có biên tên họ cho chúng tôi để giữ kỷ niệm. Như do một luồng nhân điện truyền cảm, chúng tôi và những người này mến nhau kỳ lạ, sự cảm mến của những người cùng huyết tộc, nhất là sau khi họ biết chúng tôi cũng mang họ Sakya (Thích) như họ.

Viếng thành Ca-tỳ-la-vệ về đúng 12 giờ, chúng tôi thọ trai tại nhà ông tộc trưởng. Đây là một bữa cơm chay đạo vị mà chúng tôi được dùng tại nhà dòng họ Thích Ca. Ông bà tộc trưởng dọn một căn phòng khá rộng rãi trên lầu và chọn những vật thực quý để cúng dường chư Tăng. Trong khi thọ trai, ông tộc trưởng đích thân đứng làm thị giả. Sự cảm thông qua tinh đạo làm cho bữa tiệc hôm nay ngon lành và ý nghĩa.

Hiệp đề mà ly, đến đề rồi đi. Rất tiếc chúng tôi chỉ lưu lại đây có mấy tiếng đồng hồ. Thọ trai xong, chúng tôi sắp sửa từ giã ra về. Trên nét mặt của bất cứ một người nào cũng có vẻ lưu luyến, bùi ngùi. Để ghi lại sự gặp gỡ quý báu này, chúng tôi chụp vài chiếc ảnh kỷ niệm. Niềm lưu luyến tràn ngập trong lòng mỗi người, thật ra chúng tôi cũng chẳng muốn về chút nào, nhất là nhìn thấy các cháu trong gia đình quá triu mến. Xe đã chạy mà quý vị ấy và các cháu còn chạy theo. Một thanh niên giáo sư thuộc dòng họ Thích Ca chạy theo, đem bút máy và sách nài nỉ trao tặng thầy Thiện Châu làm kỷ niệm. Thầy cố từ chối, mãi mà không được. "Chỉ dính liú có hai chữ Thích Ca mà khổ tâm thật!".

[\[Mục lục\]](#) [\[Chương kê\]](#)

[\[Main Index\]](#) *Last updated: 29-12-1999*

Web master:
binh_anson@yahoo.com
binh_anson@hotmail.com